

AN ANALYSIS OF SUPPLY - DEMAND CHARACTERISTICS, TECHNOLOGICAL TRENDS, AND CONTINUING EDUCATION NEEDS IN DERMATOLOGY SERVICES IN THE MEKONG DELTA

Huynh Van Tung¹, Nguyen Van Nguyen², Huynh Thi Nga², Tran To Loan³, Huynh Bach Cuc⁴, Huynh Anh Dao⁵,
Nguyen Huynh Ngan⁵, Huynh Van Ba⁵

¹Can Tho University of Engineering and Technology - 256 Nguyen Van Cu, Cai Khe Ward, Can Tho City, Vietnam

²FOB Aesthetic Vocational Education Center - 14/14 Ly Tu Trong, Ninh Kieu Ward, Can Tho City, Vietnam

³FOB International Aesthetic Skin Research Institute - No. 14/4-14/6 Ly Tu Trong, Ninh Kieu Ward, Can Tho City, Vietnam

⁴Nguyen Tri Phuong Hospital - 468 Nguyen Trai, An Dong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

⁵Can Tho University of Medicine and Pharmacy - No. 179, Nguyen Van Cu Street, Tan An Ward, Can Tho City, Vietnam

Received: 19/03/2026

Revised: 02/04/2026; Accepted: 19/05/2026

ABSTRACT

In recent years, the rapid increase in the prevalence of dermatological diseases and the growing demand for aesthetic procedures have created a massive market demand, driving the introduction of a wide range of new technologies and products. However, the development of high-quality and sustainable dermatology services in the Mekong Delta region—a tropical area with distinct economic and environmental characteristics—is currently facing several challenges. Objective: To assess the characteristics of human resources (supply) and market demand (demand) for dermatological services; and to analyze the current status and future needs regarding technology application and continuing education in the field.

Methods: This study employed a descriptive cross-sectional design involving 128 physicians directly engaged in dermatological and cosmetic dermatology activities.

Results: On the Demand side, the market is undergoing a dual transition: maintaining a high prevalence of common pathologies (acne vulgaris at 57.8% and dermatitis at 50.0%) while strongly shifting towards specialized aesthetic needs [keratosis ($p = 0.032$), striae distensae ($p = 0.022$), and telangiectasia ($p = 0.027$)]. On the Supply side, the dermatology sector is responding by rejuvenating its workforce (57.8% of physicians having 1–5 years of experience) and consolidating its core strength at the initial postgraduate level (Physicians/Specialist Level I/Masters holding 68%). The current status of technology application shows that Laser remains the essential and dominant tool, while demand for aesthetic injectables (Filler 29.7%, Botox 25.8%) and non-invasive lifting technologies (HIFU, MFU 24.2%) is increasing.

Conclusion: Dermatological market demand is increasing and strongly shifting from the treatment of common pathologies to specialized aesthetic services, while the specialized workforce is being rejuvenated, demonstrating good adaptability to the trend of prioritizing rapid intervention, minimal downtime, and comprehensive rejuvenation solutions.

Keywords: dermatological diseases, acne vulgaris, dermatitis, aesthetic injectables, non-invasive lifting, laser

*Corresponding author

Email: hvtungmba14@gmail.com Phone: (+84) 982990747 DOI: 10.52163/yhc.v67i5.5180

PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM CUNG - CẦU, XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO LIÊN TỤC TRONG DỊCH VỤ DA LIỄU TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Huỳnh Văn Tùng¹, Nguyễn Văn Nguyên², Huỳnh Thị Nga², Trần Tố Loan³, Huỳnh Bạch Cúc⁴, Huỳnh Anh Đào⁵, Nguyễn Huỳnh Ngân⁵, Huỳnh Văn Bá⁵

¹Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ - 256 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

²Trung tâm GDNN Thấm mỹ FOB - 14/14 Lý Tự Trọng, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

³Viện Nghiên cứu Da thẩm mỹ Quốc tế FOB - Số 14/4-14/6 Lý Tự Trọng, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

⁴Bệnh viện Nguyễn Tri Phương - 468 Nguyễn Trãi, phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

⁵Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - Số 179, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận bài: 19/03/2026

Ngày chỉnh sửa: 02/04/2026; Ngày duyệt đăng: 19/05/2026

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, sự gia tăng nhanh chóng của các bệnh da liễu và nhu cầu thẩm mỹ đã tạo ra một cầu thị trường lớn, thúc đẩy sự ra đời của hàng loạt công nghệ và sản phẩm mới. Tuy nhiên, đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – khu vực nhiệt đới với những đặc thù về kinh tế và môi trường, việc phát triển dịch vụ da liễu chất lượng cao và bền vững đang đối mặt với nhiều thách thức.

Mục tiêu: Đánh giá đặc điểm nhân lực (cung) và nhu cầu thị trường da liễu (cầu); phân tích hiện trạng - nhu cầu ứng dụng công nghệ và nhu cầu lĩnh vực đào tạo liên tục trong tương lai.

Phương pháp: Nghiên cứu áp dụng thiết kế mô tả cắt ngang trên 128 bác sĩ đang trực tiếp tham gia vào các hoạt động khám chữa bệnh trong lĩnh vực da liễu và thẩm mỹ da.

Kết quả: Về phía Cầu, thị trường đang trải qua sự chuyển đổi kép: duy trì tỷ lệ cao các bệnh lý phổ biến (mụn trứng cá 57,8% và viêm da 50,0%) đồng thời dịch chuyển mạnh mẽ sang nhu cầu thẩm mỹ chuyên sâu [dày sừng ($p = 0,032$), rạn da ($p = 0,022$) và giãn mạch ($p = 0,027$)]. Về phía Cung, ngành da liễu đang phản ứng bằng cách trẻ hóa nguồn nhân lực (57,8% bác sĩ có kinh nghiệm 1-5 năm) và củng cố lực lượng nòng cốt ở trình độ sau đại học ban đầu (Bác sĩ/CKI/ThS chiếm 68%). Hiện trạng ứng dụng công nghệ cho thấy Laser vẫn là công cụ chủ lực và thiết yếu, nhu cầu về thẩm mỹ nội khoa (Filler 29,7%, Botox 25,8%) và công nghệ nâng cơ không xâm lấn (HIFU, MFU 24,2%) đang tăng.

Kết luận: Nhu cầu thị trường bệnh da đang gia tăng và chuyển dịch mạnh mẽ từ việc điều trị các bệnh lý phổ biến sang các dịch vụ thẩm mỹ chuyên sâu, trong khi nguồn nhân lực chuyên môn đang được trẻ hóa, thích ứng tốt với xu hướng ưu tiên các giải pháp can thiệp nhanh, ít nghỉ dưỡng và trẻ hóa toàn diện.

Từ khóa: bệnh da, mụn trứng cá, viêm da, thẩm mỹ nội khoa, nâng cơ không xâm lấn, laser.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, sự gia tăng nhanh chóng của các bệnh da liễu và nhu cầu thẩm mỹ đã tạo ra một cầu thị trường lớn, thúc đẩy sự ra đời của hàng loạt công nghệ và sản phẩm mới. Tuy nhiên, đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – khu vực nhiệt đới với những đặc thù về kinh tế và môi trường, việc phát triển dịch vụ da liễu chất lượng cao và bền vững đang đối mặt với nhiều thách thức.

Bệnh da liễu là một nhóm bệnh lý quan trọng, đứng thứ 4 trong gánh nặng bệnh tật không gây tử vong trên toàn thế giới [1]. Tại Việt Nam, mô hình bệnh da liễu rất đa dạng, trong đó các bệnh lý như viêm da dị ứng – cơ địa và nhiễm trùng (nấm da, ghẻ) chiếm tỷ lệ cao. Ở Đồng bằng sông Cửu Long, các tác động từ biến đổi

khí hậu, mô hình sinh kế và xã hội đặc thù cũng đã góp phần vào việc tạo ra những nguy cơ gia tăng bệnh da cũng như nhu cầu điều trị thường xuyên. Tuy nhiên, điều này cũng tạo nên thách thức nhất định trong phát triển công nghệ và nguồn nhân lực ở các đơn vị cung ứng dịch vụ da liễu. Do đó, để cung cấp thêm một cái nhìn toàn diện về nhu cầu điều trị bệnh da, lĩnh vực công nghệ ưu tiên ứng dụng và lĩnh vực ưu tiên đào tạo cho các bên liên quan trong xây dựng chiến lược hướng đến phát triển bền vững, nghiên cứu được thực hiện gồm 2 mục tiêu: (1) Đánh giá đặc điểm nhân lực (cung) và nhu cầu thị trường da liễu (cầu); (2) phân tích hiện trạng - nhu cầu ứng dụng công nghệ và nhu cầu lĩnh vực đào tạo liên tục trong tương lai.

*Tác giả liên hệ

Email: hvtungmba14@gmail.com Điện thoại: (+84) 979446799 DOI: 10.52163/yhc.v67i5.5180

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Thiết kế nghiên cứu, đối tượng và cỡ mẫu

Nghiên cứu áp dụng thiết kế mô tả cắt ngang trên 128 bác sĩ đang trực tiếp tham gia vào các hoạt động khám chữa bệnh trong lĩnh vực da liễu và thẩm mỹ da. Đối tượng nghiên cứu được thu thập tại 5 tỉnh, thành phố thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2024.

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được sử dụng để thu thập dữ liệu. Các quan sát được đưa vào phân tích đáp ứng các tiêu chí: có trình độ chuyên môn tối thiểu là bác sĩ, đang làm việc tại các cơ sở có liên quan đến điều trị bệnh da và chăm sóc da thẩm mỹ, đồng thời có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực.

2.2 Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi cấu trúc và bán cấu trúc. Bộ câu hỏi gồm 4 phần: thông tin người trả lời; tình hình bệnh da phổ biến trong năm 2024 và tình hình tăng, giảm so với năm 2023; tình hình ứng dụng công nghệ tại cơ sở và nhu cầu ứng dụng công nghệ và nhu cầu đào tạo liên tục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong chuyên ngành da liễu trong thời gian tới.

2.3 Phân tích dữ liệu

Dữ liệu được làm sạch trước khi đưa vào sử dụng. Phương pháp chính được sử dụng trong phân tích số liệu gồm phân tích tần số, tính toán giá trị trung bình và kiểm định chi – bình phương để xác định mối liên hệ có ý nghĩa thống kê (p -value < 0,05) giữa tình hình bệnh da năm 2024 so với 2023. Phần mềm sử dụng gồm Excel và SPSS.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm cung – cầu thị trường bệnh da

- *Đặc điểm bác sĩ tham gia nghiên cứu (cung lực lượng chuyên môn):*

Mẫu nghiên cứu tập trung chủ yếu vào bác sĩ da liễu (71,9%). Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn bác sĩ/cử nhân chiếm tỷ lệ cao nhất (35,2%), kế đến là thạc sĩ/chuyên khoa I (32,8%), sơ bộ chuyên khoa (15,6%), bác sĩ nội trú (12,5%) và tiến sĩ/chuyên khoa II (3,9%).

+ Nơi làm việc của bác sĩ da liễu tập trung chủ yếu tại bệnh viện đa khoa (29,7%), bệnh viện da liễu (23,4%) và phòng khám chuyên khoa (21,1%). Một số ít còn lại ở trung tâm y tế (8,6%), spa công nghệ cao (6,3%), trường đại học/cao đẳng (6,3%) và trung tâm kiểm soát bệnh tật (4,6%).

+ Phần lớn bác sĩ tham gia nghiên cứu làm việc tại thành phố Cần Thơ (67,2%), các tỉnh khác gồm Vĩnh Long (10,9%), Đồng Tháp (9,4%), Cà Mau (7,0%) và An Giang (5,4%).

+ Kinh nghiệm làm việc đa phần từ 1 đến 5 năm (57,8%), kế đến là từ 6 đến 20 năm (28,9%) và trên 20 năm (13,3%).

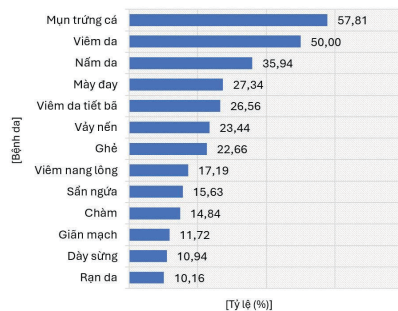
Bảng 1. Thông tin chung về bác sĩ tham gia nghiên cứu

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chuyên khoa		
Da liễu	92	71,9%
Chuyên khoa khác	36	28,1%
Trình độ chuyên môn		
Bác sĩ, cử nhân	45	35,2%
Bác sĩ nội trú	16	12,5%

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Sơ bộ chuyên khoa	20	15,6%
Thạc sĩ, chuyên khoa I	42	32,8%
Tiến sĩ, chuyên khoa II	5	3,9%
Nơi làm việc		
Bệnh viện đa khoa	38	29,7%
Bệnh viện da liễu	30	23,4%
Phòng khám chuyên khoa da liễu	27	21,1%
Trung tâm Y tế	11	8,6%
Spa công nghệ cao	8	6,3%
Trường đại học, cao đẳng y tế	8	6,3%
Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC)	6	4,6%
Tỉnh, thành phố - nơi làm việc		
Thành phố Cần Thơ	86	67,2%
Đồng Tháp	12	9,4%
Vĩnh Long	14	10,9%
Cà Mau	9	7,0%
An Giang	7	5,4%
Số năm kinh nghiệm		
Từ 1-5 năm	74	57,8%
Từ 6-10 năm	18	14,1%
Từ 11-20 năm	19	14,8%
Trên 20 năm	17	13,3%

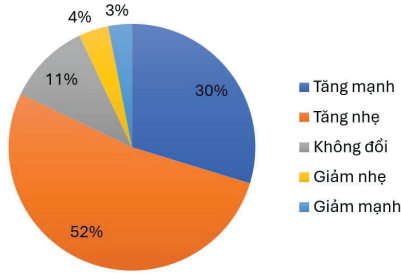
- *Đặc điểm mô hình bệnh da (cầu bệnh da cần điều trị tại cơ sở y tế):*

+ Bệnh da điều trị ở cơ sở y tế phổ biến nhất là mụn trứng cá (57,8%). Các bệnh da có mức độ phổ biến tiếp theo là viêm da (50,0%), nấm da (35,9%), mày đay (27,3%), viêm da tiết bã (26,6%), vẩy nến (23,4%) và bệnh ghẻ (22,7%). Các bệnh da ít phổ biến hơn trong khoảng từ 10 đến dưới 20% gồm: viêm nang lông (17,2%), sẩn ngứa (15,6%), chàm (14,8%), giãn mạch (11,7%), dày sừng (10,9%) và rạn da (10,2%).



Hình 1. Biểu đồ phần trăm tần số bệnh da phổ biến được điều trị (%) (n = 128)

+ Tình hình bệnh da điều trị tại cơ sở y tế theo bác sĩ phần lớn là tăng (82%, với tăng nhẹ là 52% và tăng mạnh là 30%), kế đến là không đổi (11%) và một số ít giảm (7%). Trong đó, 03 bệnh da đang có xu hướng tăng có ý nghĩa thống kê gồm: bệnh dày sừng ($p = 0,032$), rạn da ($p = 0,022$) và giãn mạch ($p = 0,027$).



Hình 2. Biểu đồ tăng/giảm bệnh da năm 2024 so với năm 2023 (n = 128)

Bảng 2. Bệnh da đang có xu hướng tăng

Bệnh da	Xu hướng (n,%)					Tổng (n,%)	p
	Giảm mạnh	Giảm nhẹ	Không đổi	Tăng nhẹ	Tăng mạnh		
Dày sừng	0 (0,0)	0 (0,0)	2 (14,3)	4 (28,6)	8 (57,1)	14 (100)	0,032
Rạn da	0 (0,0)	1 (7,7)	1 (7,7)	5 (38,5%)	6 (46,2)	13 (100)	0,022
Giãn mạch	0 (0,0)	3 (20,0)	1 (6,7)	6 (40,0)	5 (33,3)	15 (100)	0,027

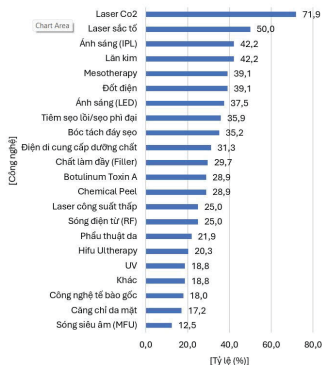
3.3 Hiện trạng và nhu cầu ứng dụng công nghệ trong điều trị bệnh da và lĩnh vực đào tạo liên tục tương ứng

- Hiện trạng ứng dụng công nghệ trong điều trị và chăm sóc bệnh da:

Thực trạng ứng dụng công nghệ tại các cơ sở điều trị và chăm sóc bệnh da đang cho thấy 02 công nghệ phổ biến nhất (50% trở lên) dẫn đầu là nhóm Laser Co₂ với 71,9% cơ sở ứng dụng, chủ lực trong điều trị da liễu, đặc biệt trong xử lý sẹo, mụn và tái tạo da. Đứng thứ hai là Laser sắc tố với 50,0%, cốt lõi trong điều trị nám, tàn nhang và các vấn đề về sắc tố.

Nhóm các công nghệ điều trị phổ biến từ 35% đến dưới 50% gồm Ánh sáng (IPL) và Dermalroller (lăn kim) cùng chiếm 42,2%, Mesotherapy và Cauterization (đốt điện) cùng chiếm 39,1%, kỹ thuật tiêm sẹo lồi/sẹo phì đại và Subcision (bóc tách đáy sẹo) cũng được sử dụng khá thường xuyên với 35,9% và 35,2%.

Nhóm các công nghệ ít phổ biến hơn chiếm dưới 30% gồm các công nghệ mỹ nội khoa (tiêm) như Filler với 20,3% và Botulinum toxin A với 28,9%; các công nghệ nâng cơ, trẻ hóa tiên tiến như Hifu Ultherapy với 20,3% và Micro Focus Ultrasound (sóng siêu âm hội tụ vi điểm) 12,5% và một số công nghệ khác tại sơ đồ Hình 3.



Hình 3. Biểu đồ phần trăm tần suất hiện trạng sử dụng công nghệ (%) (n = 128)

- Nhu cầu ứng dụng công nghệ trong điều trị và chăm sóc bệnh da:

Kết quả khảo sát cho thấy sự dịch chuyển ưu tiên liên quan đến các công nghệ thẩm mỹ nội khoa (tiêm) và nâng cơ trong thời gian tới.

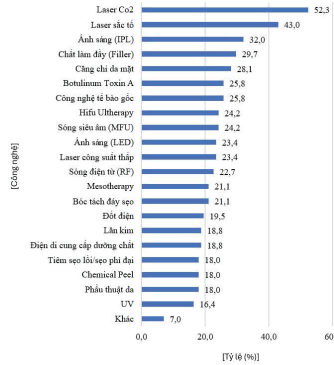
+ Nhu cầu hàng đầu vẫn là Laser Co₂ (52,3%) và Laser sắc tố (43,0%) khẳng định vai trò của laser trong điều trị và chăm sóc da hiện nay, đặc biệt là chăm sóc da thẩm mỹ.

+ Sự tăng trưởng đáng chú ý của Filler (chất làm đầy) và Thread Lifting (căng chỉ da mặt) nhảy vọt lên vị trí thứ 4 và thứ 5 trong danh sách nhu cầu, chiếm lần lượt 29,7% và 28,1% (so với hiện trạng, 02 công nghệ chỉ chiếm đứng ở vị trí thứ 11 và 21 trong danh sách đang ứng dụng).

+ Nhu cầu các giải pháp sinh học và thẩm mỹ nội khoa như Botulinum và tế bào gốc cùng chiếm 25,8%, xếp hạng thứ 6 và 7 trong bảng nhu cầu trong khi ở hiện trạng 02 công nghệ này xếp thứ 12 và 20.

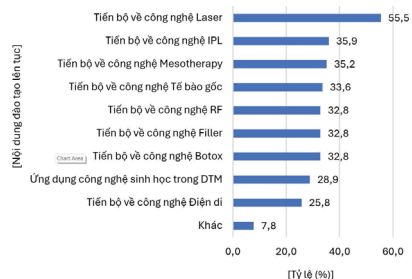
+ Nhu cầu các giải pháp không xâm lấn, nâng cơ tiên tiến như Sóng siêu âm MFU và Hifu Ultherapy cao gấp đôi so với hiện trạng với 24,2%.

+ Các công nghệ ít nhu cầu hơn chi tiết tại Sơ đồ hình 4.



Hình 4. Biểu đồ phần trăm tần suất nhu cầu ứng dụng công nghệ trong tương lai (%) (n = 128)

Theo đó, kết quả nhu cầu đào tạo liên tục (CME) của bác sĩ tham gia nghiên cứu đi liền với nhu cầu ứng dụng công nghệ, nhất là về công nghệ laser, thẩm mỹ nội khoa và công nghệ sinh học. Nhu cầu lĩnh vực đào tạo liên tục cao nhất là ứng dụng tiên bộ về Laser, chiếm 55,5%. Các lĩnh vực như IPL và Mesotherapy cũng được quan tâm đáng kể với trên 35%. Ba lĩnh vực RF, Filler và Botox có mức độ tương đương nhau, cùng đạt 32,8%.



Hình 5. Biểu đồ nhu cầu lĩnh vực đào tạo liên tục (n = 128)

4. BÀN LUẬN

4.1 Đặc điểm nhân lực và nhu cầu thị trường da liễu

- Nguồn cung nhân lực da liễu:

Để đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng và chuyển dịch rõ rệt sang lĩnh vực thẩm mỹ như đã phân tích ở trên, nguồn cung

nhân lực da liễu tại Đồng bằng sông Cửu Long đang có sự dịch chuyển và trẻ hóa đáng kể, thể hiện nỗ lực của ngành trong việc xây dựng một đội ngũ chuyên môn đủ năng lực, sẵn sàng nắm bắt công nghệ và các kỹ thuật tiên tiến để phục vụ cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố trình độ chuyên môn của bác sĩ da liễu khá cân bằng ở cấp độ cơ bản và sau đại học ban đầu. Tỷ lệ cao của nhóm Bác sĩ và Thạc sĩ/Chuyên khoa I (68%) cho thấy lực lượng chuyên môn nòng cốt là những người vừa tốt nghiệp hoặc đã hoàn thành các chương trình đào tạo sau đại học ngắn hạn. Điều này phản ánh xu hướng đào tạo liên tục và nhu cầu bổ sung nhân lực cho ngành da liễu. Tỷ lệ Tiến sĩ/Chuyên khoa II thấp (3,9%) tương đồng với nhiều nghiên cứu về phân bố nguồn lực y tế chuyên sâu tại Việt Nam, nơi nhóm có trình độ học vị cao thường chiếm tỷ lệ khiếm tốn, chủ yếu tập trung giảng dạy, quản lý hoặc nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo ngành ở các thành phố. Mặc dù số liệu tìm thấy (7,8% - 9,7%) tại khu vực nghiên cứu có thể cao hơn so với một số nhận định chung về tỷ lệ này ở Việt Nam, nhưng nó vẫn phản ánh tỷ lệ Tiến sĩ/CKII chỉ chiếm một phần nhỏ so với tổng số bác sĩ có trình độ sau đại học (sau đại học chiếm 49,5% tổng số bác sĩ trong nghiên cứu này) (Hoàng Văn Minh, 2020) [4].

Lực lượng chuyên môn da liễu của nghiên cứu đang trong giai đoạn trẻ hóa. Tỷ lệ lớn các bác sĩ có kinh nghiệm từ 1-5 năm (57,8%) cho thấy ngành da liễu đang thu hút một lượng lớn bác sĩ trẻ mới ra trường. Điều này có thể là do sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực da liễu thẩm mỹ, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thu nhập hấp dẫn. Kết quả này đồng thời gợi ý nhu cầu đào tạo liên tục cho nhóm bác sĩ trẻ là rất lớn, đặc biệt là các khóa học thực hành, cập nhật tiến bộ công nghệ.

- *Nhu cầu thị trường:*

Thị trường da liễu Đồng bằng sông Cửu Long đang đối diện với một sự gia tăng rõ rệt và đa dạng hóa trong nhu cầu điều trị của cộng đồng, bao gồm từ các bệnh lý da liễu phổ biến đến các vấn đề thẩm mỹ ngày càng được quan tâm. Sự kết hợp giữa mô hình bệnh tật truyền thống và xu hướng thẩm mỹ hiện đại đã tạo nên một áp lực và cơ hội lớn cho ngành, xác định rõ các phân khúc dịch vụ có tiềm năng tăng trưởng lớn trong thời gian tới.

Theo nghiên cứu của chúng tôi, mụn trứng cá và viêm da là 02 bệnh da phổ biến nhất chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các bệnh da điều trị tại cơ sở y tế (57,8% và 50,0%). Điều này hoàn toàn phù hợp với mô hình bệnh tật chung trên thế giới và Việt Nam. Đây là bệnh lý liên quan đến tuổi tác (thanh thiếu niên) và lối sống, đồng thời cũng là nguyên nhân hàng đầu khiến người bệnh tìm đến cơ sở y tế công lập lần phòng khám tư nhân. Một nghiên cứu về mô hình bệnh da tại Bệnh viện Da liễu Trung ương hoặc các bệnh viện ở các thành phố lớn cũng thường ghi nhận mụn trứng cá và viêm da (đặc biệt là viêm da cơ địa) là hai nhóm bệnh hàng đầu, thường chiếm trên 40% tổng số ca khám ngoại trú. Theo một nghiên cứu về mô hình bệnh da tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế (Nguyễn Xuân Tùng, 2019) [8], các bệnh không nhiễm trùng chiếm tỷ lệ cao nhất (71,1%). Trong đó, Viêm da và Chàm chiếm tổng cộng 32,7% lượt khám mới. Bệnh mụn trứng cá chiếm tỷ lệ cao nhất trong các bệnh không nhiễm trùng, đạt 16,7% tổng lượt khám mới, hai nhóm bệnh lý này (mụn trứng cá và viêm da/chàm) chiếm xấp xỉ 49,4% tổng số ca khám bệnh mới, củng cố nhận định về việc chúng là nhóm bệnh hàng đầu, thường xuyên chiếm trên 40% tổng số ca khám ngoại trú tại các cơ sở chuyên khoa.

Việc 82% bác sĩ nhận định tình hình bệnh da đang tăng cho thấy nhu cầu chăm sóc da liễu nói chung trong cộng đồng đang gia tăng, có thể do nhận thức của người dân về chăm sóc da tăng lên, sự phát triển của dịch vụ thẩm mỹ và nhu cầu điều trị các vấn đề về thẩm mỹ gia tăng. Trong đó, sự gia tăng có ý nghĩa thống kê của các bệnh dày sừng, rạn da và giãn mạch cho thấy sự chuyển đổi rõ rệt nhu cầu chăm sóc liên quan đến thẩm mỹ. Điều này phần nào phù hợp với hiện trạng ứng dụng công nghệ và nhu cầu đào tạo liên tục liên quan đến các công nghệ laser, IPL, RF với chức năng phục hồi các khiếm khuyết thẩm mỹ. Báo cáo từ các công ty nghiên cứu thị trường toàn cầu thường xuyên nêu bật sự tăng trưởng của thị trường mỹ phẩm, chăm sóc cá nhân và dịch vụ thẩm mỹ y khoa tại Việt Nam. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường Da liễu Thẩm mỹ tại Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) được dự báo duy trì ở mức hai chữ số trong giai đoạn 2023-2028 (Mordor Intelligence, 2024) [7], là minh chứng cho việc xã hội ngày càng chú trọng đến chất lượng cuộc sống và vẻ ngoài cá nhân.

Phân tích về cung và cầu cho thấy một sự đồng điệu quan trọng đang diễn ra trong ngành da liễu. Nhu cầu thị trường (cầu) đang gia tăng và chuyển dịch mạnh mẽ từ việc điều trị các bệnh lý phổ biến (mụn trứng cá, viêm da) sang các dịch vụ thẩm mỹ chuyên sâu (dày sừng, rạn da, giãn mạch), một xu hướng được củng cố bởi sự tăng trưởng kép hai chữ số của thị trường thẩm mỹ y khoa. Đáp lại, nguồn nhân lực (cung) đang chủ động trẻ hóa và tăng cường về số lượng ở cấp độ cơ bản và sau đại học ban đầu (68% Bác sĩ/Thạc sĩ/CKI), tạo ra một lực lượng nòng cốt sẵn sàng tiếp thu công nghệ. Sự liên kết cốt lõi nằm ở việc đội ngũ bác sĩ trẻ (57,8% có kinh nghiệm 1-5 năm) chính là đối tượng lý tưởng để tiếp nhận đào tạo liên tục và cập nhật tiến bộ công nghệ nhằm giải quyết chính xác các vấn đề thẩm mỹ mới nổi đang thúc đẩy nhu cầu thị trường. Tóm lại, sự trẻ hóa của nguồn nhân lực đang trở thành chìa khóa để mở khóa tiềm năng tăng trưởng lớn của thị trường da liễu thẩm mỹ tại Đồng bằng sông Cửu Long.

4.2 Hiện trạng và nhu cầu ứng dụng công nghệ trong điều trị da liễu

Hiện trạng ứng dụng công nghệ phản ánh cơ cấu dịch vụ da liễu đang được cung cấp tại khu vực nghiên cứu, trong đó công nghệ Laser đã khẳng định vị thế là nhóm công nghệ chủ lực và thiết yếu. Tỷ lệ ứng dụng rất cao công nghệ *Laser Co₂* (71,9%) và *Laser sắc tố* (50,0%) cho thấy đây là nhóm công nghệ chủ lực trong điều trị da liễu hiện nay, đặc biệt trong xử lý các bệnh lý và thẩm mỹ phổ biến như sẹo, mụn, nám, tàn nhang. *Laser Co₂* (thường là *Fractional Co₂*) là công cụ cơ bản và hiệu quả trong tái tạo bề mặt da, trong khi *Laser sắc tố* (như *Nd:YAG Q-switched*) là tiêu chuẩn vàng trong điều trị các rối loạn sắc tố. Hiện trạng này cho thấy các cơ sở y tế đã được trang bị các thiết bị laser cơ bản nhưng thiết yếu để giải quyết các vấn đề da liễu phổ biến nhất. Nhiều nguồn uy tín khẳng định rằng công nghệ *Laser* đã cách mạng hóa lĩnh vực da liễu và trở thành một thành phần thiết yếu trong cả da liễu y tế và thẩm mỹ (Gold, Michael H., 2017) [2].

Sự phổ biến của kỹ thuật can thiệp bán xâm lấn (35% - dưới 50%) gồm *IPL/Ánh sáng* (42,2%), *Derma roller/Lăn kim* (42,2%), *Mesotherapy* (39,1%), *Cauterization/Đốt điện* (39,1%), *Tiền sẹo lồi/phi đại* (35,9%) và *Subcision/Bóc tách đáy sẹo* (35,2%). Các kỹ thuật này có tỷ lệ ứng dụng cao, chủ yếu là các phương pháp xâm lấn tối thiểu hoặc can thiệp vật lý cơ bản. Sự phổ biến của *Derma roller*, *Mesotherapy* và

các kỹ thuật xử lý sẹo như *Subcision* và *Tiêm sẹo* phản ánh nhu cầu điều trị sẹo và phục hồi da là rất lớn (liên quan đến tỷ lệ mắc mụn trứng cá cao). *Cauterization* (đốt điện) vẫn là phương pháp cơ bản và rẻ tiền trong điều trị các tổn thương da nhỏ. Rất nhiều nghiên cứu lâm sàng so sánh hiệu quả của *Dermaroller* (*Microneedling*), *Mesotherapy*, *Subcision*, và *Tiêm sẹo* (*Intralesional Injections*) (thường là *Corticosteroids*) để xác định phác đồ tối ưu. Những nghiên cứu này thường nhấn mạnh các phương pháp xâm lấn tối thiểu (*minimally invasive*) đang trở nên phổ biến hơn do thời gian hồi phục ngắn và hồ sơ an toàn tốt hơn (Sitohang, 2021) [9].

Tỷ lệ ứng dụng thẩm mỹ nội khoa và nâng cơ tiên tiến còn thấp (dưới 30%) gồm *Filler* (20,3%), *Botulinum toxin A* (28,9%), *HIFU Ultherapy* (20,3%) và *MFU* (12,5%). Tỷ lệ thấp công nghệ thẩm mỹ nội khoa (tiêm) và nâng cơ tiên tiến cho thấy tại thời điểm khảo sát, các dịch vụ này chưa trở thành dịch vụ chủ đạo. Các nguyên nhân có thể do chi phí đầu tư cao, yêu cầu chuyên môn cho các kỹ thuật tiêm thẩm mỹ cao, và phân bố tập trung nhiều ở các phòng khám chuyên khoa lớn ở các trung tâm đô thị.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát nhu cầu cho thấy một sự dịch chuyển ưu tiên rõ rệt từ các công nghệ cơ bản sang các công nghệ thẩm mỹ tiên tiến và nội khoa. *Laser* tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo và không thể thay thế trong điều trị bệnh lý và thẩm mỹ da liễu khi chiếm tỷ lệ cao nhất (50% đối với *Laser CO₂* và 43,0% đối với *Laser sắc tố*), đồng thời phản ánh nhu cầu cập nhật phiên bản mới hoặc mở rộng quy mô ứng dụng.

Sự nhảy vọt của nhu cầu công nghệ trong thẩm mỹ nội khoa và sinh học với tăng trưởng đáng chú ý của *Filler* (297%) và *Thread Lifting* (28,1%) lên vị trí xếp hạng thứ 4 và 5 trong danh sách nhu cầu (so với vị trí 11 và 21 ở hiện trạng). *Botulinum* (25,8%) và *Tế bào gốc* (25,8%) cũng tăng lên vị trí xếp hạng thứ 6 và 7. Sự chênh lệch lớn giữa hiện trạng và nhu cầu cho thấy sự chuyển dịch rõ ràng sang các kỹ thuật thẩm mỹ không phẫu thuật (thẩm mỹ nội khoa) và các giải pháp y học tái tạo (tế bào gốc). Nhu cầu của các bác sĩ da liễu đang cho thấy thị trường đang yêu cầu các giải pháp can thiệp nhanh, ít nghỉ dưỡng và trẻ hóa toàn diện. Theo báo cáo Thị trường Thẩm mỹ Y tế thế giới, thị trường điều trị thẩm mỹ không xâm lấn toàn cầu dự kiến sẽ tăng từ 22,67 tỷ USD vào năm 2025 lên gần 41,55 tỷ USD vào năm 2034, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR khoảng 7%) [6]. Tại Việt Nam, thống kê ở Bệnh viện Da liễu Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho thấy khách hàng sử dụng dịch vụ thẩm mỹ nội khoa ít xâm lấn đã tăng từ gần 16.000 người (2022) lên hơn 21.000 (2024) [5], cho thấy xu hướng này rất mạnh mẽ tại thị trường trong nước.

Nhu cầu nâng cơ không xâm lấn tăng tiến gấp đôi, *Sóng siêu âm MFU* và *HIFU Ultherapy* (24,2%) cao gấp đôi so với hiện trạng. Mặc dù chi phí đầu tư lớn, nhu cầu về các công nghệ nâng cơ không xâm lấn vẫn tăng mạnh. Điều này phù hợp với xu hướng toàn cầu về Anti-aging (chống lão hóa) và “non-invasive procedures” (thủ thuật không xâm lấn), cho thấy đây là phân khúc dịch vụ tiềm năng lớn trong thời gian tới theo báo cáo của Grand View Research năm 2024 [3].

Tóm lại, phân tích cho thấy *Laser* (*CO₂* và *Sắc tố*) là nhóm công nghệ chủ lực hiện nay, cùng với các kỹ thuật xâm lấn tối thiểu như *Dermaroller* và *Subcision*, đáp ứng nhu cầu điều trị sẹo và bệnh lý phổ biến. Tuy nhiên, khảo sát nhu cầu đã chỉ ra một sự chuyển dịch mạnh mẽ sang các giải pháp thẩm mỹ tiên tiến: nhu cầu về Thẩm mỹ Nội khoa (*Filler*, *Botulinum*) tăng đột biến và nhu cầu về công nghệ nâng cơ không xâm

lấn (*HIFU/MFU*) tăng gấp đôi. Sự chênh lệch giữa ứng dụng hiện tại và nhu cầu đào tạo thể hiện rõ xu hướng thị trường đang định hình lại, ưu tiên các giải pháp can thiệp nhanh, ít nghỉ dưỡng và trẻ hóa toàn diện trong tương lai gần.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về thị trường da liễu tại Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy một sự đồng điệu rõ rệt giữa nhu cầu cộng đồng và nguồn lực chuyên môn. Về phía Cầu, thị trường đang trải qua sự chuyển đổi kép: duy trì tỷ lệ cao các bệnh lý phổ biến (mụn trứng cá 57,8% và viêm da 50,0%) đồng thời dịch chuyển mạnh mẽ sang nhu cầu thẩm mỹ chuyên sâu [dày sừng ($p = 0,032$), rạn da ($p = 0,022$) và giãn mạch ($p = 0,027$)], củng cố bởi tốc độ tăng trưởng cao của thị trường thẩm mỹ y khoa. Về phía Cung, ngành da liễu đang phản ứng bằng cách trẻ hóa nguồn nhân lực (57,8% bác sĩ có kinh nghiệm 1-5 năm) và củng cố lực lượng nòng cốt ở trình độ sau đại học ban đầu (Bác sĩ/CKI/ThS chiếm 68%).

Hiện trạng ứng dụng công nghệ cho thấy *Laser* vẫn là công cụ chủ lực và thiết yếu. Tuy nhiên, nhu cầu về thẩm mỹ nội khoa (*Filler* 29,7%, *Botox* 25,8%) và công nghệ nâng cơ không xâm lấn (*HIFU*, *MFU* 24,2%) đang tăng vọt. Sự chênh lệch này khẳng định xu hướng thị trường đang ưu tiên mạnh mẽ các giải pháp can thiệp nhanh, ít nghỉ dưỡng và trẻ hóa toàn diện. Đồng thời, sự trẻ hóa nhân lực cần được định hướng thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu về thẩm mỹ nội khoa và công nghệ tiên tiến để giải quyết nhu cầu chuyển đổi của thị trường.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Divya Seth, Khatiya Cheldize, Danielle Brown, (2017), “Global Burden of Skin Disease: Inequities and Innovations”, *Curr Dermatol Rep.* 6, pp. 204-210.
- [2] Gold, Michael H. (và cộng sự) (2017). *Laser Dermatology: A Historical Review and Future Directions.* *Lasers in Surgery and Medicine.* Volume 49. Issue S28.
- [3] Grand View Research (2024). *Anti-Aging Market Size, Share, Trends, and Global Forecast 2024-2034.*
- [4] Hoàng Văn Minh, Phan Văn Hoà, Phạm Ngọc Dũng và cộng sự (2020). Đánh giá thực trạng nhân lực y tế tại một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. *Tạp chí Y Dược học.*
- [5] <https://bvdl.org.vn/cong-dong/d-10941.0.1771/tin-tuc-va-sukien/xu-huong-da-lieu-tham-my-trong-ky-nguyen-moi.html>
- [6] https://www.marketresearchfuture.com/reports/medical-aesthetics-market-6807?utm_term=&utm_campaign=&utm_source=adwords&utm_medium=ppc&hsa_acc=2893753364&hsa_cam=23142125492&hsa_grp=190076755354&hsa_ad=779362054048&hsa_src=g&hsa_tgt=dsa-2443880257606&hsa_kw=&hsa_mt=&hsa_net=adwords&hsa_ver=3&gad_source=1
- [7] Mordor Intelligence (2024). *Vietnam Aesthetic Medicine Market Size & Share Analysis - Growth Trends & Forecasts (2024-2029).*
- [8] Nguyễn Xuân Tùng, Trần Thị Lệ Thủy, và cộng sự (2021). Mô hình bệnh da liễu ở đối tượng trên 15 tuổi tại Phòng khám Da liễu Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. *Tạp chí Y học Dự phòng và Sức khỏe Cộng đồng.*
- [9] Sitohang, I. B., Sitohang, B. A. B., & Sirait, L. A. S. (2021). *Microneedling in the treatment of atrophic scars: A systematic review of randomised controlled trials.* *International Wound Journal.*